TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng T

Ông Nguyễn Thanh L

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng S.

Địa chỉ cư trú: ấp 2A, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồng S kết hôn vào năm 1990, đã tiến hành đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2011 vợ chồng bắt đầu thường xuyên phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa, nên ông Hận khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Sương. Về con chung: các con chung hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Nguyễn Hồng S tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử chưa một lần chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng chưa thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản về tranh chấp trong vụ án.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được: ông Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hồng S, bà Nguyễn Hồng S chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Hồng S. Do đó đây là tranh chấp ly hôn, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồng S kết hôn vào năm 1990, hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông Hận và bà Sương được công nhận là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Hận, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân do bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng mâu thuẫn và cãi vã nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Đối chiếu quy định nêu trên với trường hợp của ông Hận và bà Sương cho thấy ông Hận và bà Sương đã không còn yêu thương nhau nữa, biểu hiện qua việc vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung khoảng 06 năm nay, nên vợ chồng không thể quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thực hiện các công việc hàng ngày. Đối với bà Nguyễn Hồng S dù được Tòa án thông báo về việc ông Nguyễn Thanh H khởi kiện xin ly hôn, nhưng bà Sương vẫn không một lần đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, cũng như có phương án khả thi để vợ chồng hàn gắn quan hệ hôn nhân, nên xem như bà Sương đã bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình nữa. Những hành vi nêu trên của ông Hận và bà Sương là hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng hậu quả là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông Hận cương quyết yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Hận được ly hôn với bà Sương.

[3] Về con chung: các con chung của ông Hận và bà Sương hiện tại đều đã thành niên, ông Hận trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét 03 vấn đề nêu trên.

[4] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo mức án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H. Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Hồng S.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012542 ngày 27/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Hồng T – Nguyễn Thanh L **Nguyễn Hữu B**